

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2014/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng
Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng,
Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....H237.....
	Ngày: 11/7/14.....
	Chuyên:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về tăng cường hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 362/TTr-STTTT ngày 02 tháng 6 năm 2014 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Báo cáo số 71/BC-STP ngày 28/5/2014 của Giám đốc Sở Tư pháp

thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Viễn thông Quảng Ngãi, các đơn vị sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Thông tin và Truyền thông);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP (VX), CBTH;
- Lưu:VT, VHXX.qn416

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH



Lê Quang Thích

QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng
của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 34 /2014/QĐ-UBND

ngày 19 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh (*sau đây gọi tắt là Mạng chuyên dùng*) là một bộ phận của Mạng chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên toàn quốc.

2. Đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng là các cơ quan Đảng, Nhà nước thuộc hệ thống chính trị tại tỉnh Quảng Ngãi có điểm kết nối vào Mạng chuyên dùng.

3. Cá nhân sử dụng Mạng chuyên dùng là người sử dụng thuộc đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng.

Chương II TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG MẠNG CHUYÊN DÙNG

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng.

1. Mạng chuyên dùng phải bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt và liên tục.

2. Mạng nội bộ của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi phải kết nối với cơ sở hạ tầng thông tin của Chính phủ để thực hiện việc gửi, trao đổi, xử lý

văn bản hành chính trong cơ quan hoặc với các cơ quan, tổ chức khác thông qua môi trường Mạng chuyên dùng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước được truyền tải trên Mạng chuyên dùng phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

4. Thông tin được sử dụng, chia sẻ và lưu trữ trên Mạng chuyên dùng phải là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng. Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên Mạng chuyên dùng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin và lưu trữ.

5. Đảm bảo an toàn và thông tin trên mạng chuyên dùng theo đúng quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn đảm bảo an toàn mạng và thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

Điều 5. Danh mục dịch vụ cung cấp trên Mạng chuyên dùng

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Chương II, Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Mạng chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

2. Chỉ đạo Viễn thông Quảng Ngãi định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình khai thác, sử dụng và an ninh Mạng chuyên dùng tại địa phương.

3. Hướng dẫn các đơn vị kết nối, sử dụng Mạng chuyên dùng khai thác hiệu quả các dịch vụ được cung cấp trên Mạng chuyên dùng.

4. Thực hiện quản lý, giám sát việc triển khai giá cước, kết nối, chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông trên Mạng chuyên dùng.

5. Chủ trì thẩm định các giải pháp, phương án kỹ thuật, các kế hoạch phát triển Mạng chuyên dùng do Viễn thông Quảng Ngãi đề xuất; nghiên cứu, đề xuất nâng cấp, mở rộng, duy trì và phát triển Mạng chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

6. Phối hợp với các đơn vị chức năng bảo đảm an toàn thông tin truyền tải trên Mạng chuyên dùng.

7. Thanh tra, kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy định về an toàn mạng và thông tin trên Mạng chuyên dùng.

8. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các cơ quan Đảng, Nhà nước ở địa phương thực hiện các quy định về quản lý, vận hành và sử dụng có hiệu quả Mạng chuyên dùng.

9. Trước ngày 25 tháng 12 hàng năm, tổng hợp, báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình khai thác, sử dụng Mạng chuyên dùng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương.

Điều 7. Trách nhiệm của Viễn thông Quảng Ngãi

1. Chỉ thực hiện cung cấp dịch vụ đối với khách hàng thuộc điều 1 của Quy chế này; triển khai cung cấp các dịch vụ tại điều 5 của Quy chế này.

2. Trực tiếp ký hợp đồng cung cấp các dịch vụ và thực hiện công tác bảo đảm kỹ thuật, an toàn mạng và an ninh thông tin trong quá trình sử dụng Mạng chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Tư vấn và hướng dẫn kỹ thuật cho các đơn vị kết nối mạng nội bộ với Mạng chuyên dùng khai thác, sử dụng dịch vụ an toàn và hiệu quả.

4. Bảo đảm các yêu cầu về dung lượng, tốc độ, chất lượng dịch vụ và các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin của Mạng chuyên dùng.

5. Công bố các quy định về quản lý, điều hành khai thác, cảnh báo và khắc phục sự cố, bảo dưỡng đường truyền kết nối, các chỉ tiêu chất lượng mạng và dịch vụ; công bố các điểm đăng ký dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố và giải quyết khiếu nại, chăm sóc khách hàng tại địa phương.

6. Trực tiếp tiếp nhận khiếu nại và chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý khiếu nại của cơ quan, đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng.

7. Thường xuyên kiểm tra đánh giá về mức độ bảo vệ an toàn mạng và thông tin trên mạng, tiến hành những biện pháp phòng tránh, khắc phục kịp thời. Báo cáo ngay Sở Thông tin và Truyền thông để chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố đối với mạng đường trục hoặc các sự cố cần tổ chức ứng cứu thông tin.

8. Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương (Chủ dịch vụ mạng Chuyên dùng) trong việc kết nối hạ tầng mạng truy nhập tại tỉnh với mạng đường trục.

9. Định kỳ 6 tháng (trước ngày 10 tháng 6) và hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) báo cáo về tình hình khai thác, sử dụng Mạng chuyên dùng tại địa phương với Sở Thông tin và Truyền thông; thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu về tình hình hoạt động của Mạng chuyên dùng.

Điều 8. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng

Ngoài việc thực hiện theo các quy định tại Điều 11 của Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền Thông, các đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng có trách nhiệm:

1. Tiến hành đăng ký sử dụng Mạng chuyên dùng nhằm đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, kịp thời, chính xác và an toàn để phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp.

2. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai và kiểm tra việc chấp hành tại đơn vị trong việc sử dụng Mạng chuyên dùng theo đúng các quy định của pháp luật.

3. Cần phân tách kết nối Internet (không thông qua Mạng chuyên dùng) của đơn vị với Mạng chuyên dùng để bảo đảm không làm gia tăng nguy cơ mất an toàn an ninh đối với Mạng chuyên dùng.

4. Ưu tiên sử dụng chuyên viên kỹ thuật của đơn vị để bảo đảm an toàn mạng và bảo mật thông tin trên Mạng chuyên dùng. Trường hợp có sự cố nghiêm trọng vượt quá khả năng khắc phục của đơn vị phải phối hợp với Điểm hỗ trợ dịch vụ của Viễn thông Quảng Ngãi để khắc phục sự cố kịp thời, nhanh chóng. Xem xét bố trí kinh phí phù hợp cho hoạt động bảo đảm an toàn mạng và bảo mật thông tin trên Mạng chuyên dùng.

5. Chi phí sử dụng Mạng chuyên dùng thuộc chi phí ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị và được bố trí từ nguồn ngân sách theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc các quy định khác của pháp luật.

6. Ban hành quy chế sử dụng mạng nội bộ tại cơ quan phải bao gồm quy chế sử dụng Mạng chuyên dùng.

7. Trước ngày 10 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình khai thác, sử dụng mạng chuyên dùng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị mình.

Điều 9. Trách nhiệm của cá nhân sử dụng Mạng chuyên dùng

1. Cá nhân sử dụng Mạng chuyên dùng khi kết nối vào Mạng chuyên dùng phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng.

2. Khi sự cố xảy ra, cần thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền để giải quyết.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tổ chức triển khai và kiểm tra việc chấp hành tại đơn vị theo đúng các nội dung của Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện quản lý, vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng, nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân có liên quan cần kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Quang Thích